

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết Khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt dịch vụ việc làm;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định

tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm;

Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm;

Căn cứ Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1715/SNV-VP ngày 20 tháng 5 năm 2025 .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở Nội vụ do Chủ tịch UBND thành phố Huế ban hành Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thành phố Huế và Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Nội vụ thành phố Huế.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm.

3. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm ban hành kèm theo Quyết định này làm căn cứ để lập, thẩm định, đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ công, giao dự toán và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực việc làm

Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn thành phố Huế được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm:

Căn cứ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm quy định tại Điều 2 Quyết định này, thực hiện lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai, hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh đơn giá khi các yếu tố hình thành đơn giá thay đổi.

3. Chi cục thuế khu vực XII: Có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2025.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với nguồn kinh phí ngân sách thành phố giao cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ dịch vụ việc làm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành, cấp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, thị xã, huyện, Chi cục thuế khu vực XII và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nội vụ;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- TT.TU, TT.HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- LĐVP UBND thành phố;
- Lưu. VT, CCHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỬ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: đồng/người/trường hợp

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ
A	DỊCH VỤ TƯ VẤN	
I	Tư vấn việc làm	
1	Người lao động	56.569
2	Người khuyết tật	78.470
3	Người dân tộc thiểu số	69.709
4	Người sử dụng lao động	100.370
II	Tư vấn chính sách lao động, việc làm	
1	Người lao động	52.188
2	Người khuyết tật	71.899
3	Người dân tộc thiểu số	64.015
4	Người sử dụng lao động	91.609
III	Tư vấn học nghề	
1	Người lao động	47.808
2	Người khuyết tật	65.329
3	Người dân tộc thiểu số	58.321
4	Người sử dụng lao động	82.849
B	DỊCH VỤ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM	
I	Giới thiệu việc làm trong nước	
1	Người lao động	130.792
2	Người khuyết tật	184.226
3	Người dân tộc thiểu số	194.912

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ
II	Giới thiệu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	
1	Người lao động	216.285
2	Người dân tộc thiểu số	333.838
C	DỊCH VỤ CUNG ỨNG LAO ĐỘNG	
I	Cung ứng lao động trong nước	
1	Người lao động	249.383
2	Người khuyết tật	319.900
3	Người dân tộc thiểu số	334.003
II	Cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	
1	Người lao động	348.106
2	Người dân tộc thiểu số	489.139
D	DỊCH VỤ THU THẬP THÔNG TIN NGƯỜI TÌM VIỆC, THU THẬP THÔNG TIN VIỆC LÀM TRỐNG	
I	Thu thập thông tin người tìm việc	
1	Trực tiếp tại Trung tâm	37.198
2	Qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm	42.051
3	Tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài Trung tâm)	39.624
4	Tại hộ gia đình	56.609
II	Thu thập thông tin việc làm trống	
1	Trực tiếp tại Trung tâm	41.471
2	Qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm	50.032
3	Tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài Trung tâm)	47.179
4	Tại Doanh nghiệp	84.279